

# “LO GIỮ NƯỚC TỪ LÚC NƯỚC CHƯA NGUY” - BÀI HỌC TỪ TRIẾT LÝ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

PHAN MẠNH TOÀN \*

**Tóm tắt:** “Lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy” là bài học vô giá, có chiều sâu lịch sử, được khái quát và đúc kết từ chính thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước qua nhiều thế hệ của người Việt trong quá khứ. Những hạn chế có tính lịch sử, những yếu tố đã bị thời đại vượt qua là điều không tránh khỏi, song nó cũng để lại những giá trị to lớn cho lịch sử tư tưởng dân tộc, gợi mở những bài học quan trọng và quý báu cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày nay.

**Từ khóa:** Lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy, bài học triết lý bảo vệ Tổ quốc, truyền thống Việt Nam.

Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống trước hết là sự kết tinh trí tuệ của nhân dân ta qua nhiều thế hệ, được hình thành và phát triển gắn liền với thực tiễn lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Những nội dung của triết lý đó có nhiều yếu tố mang tính lý luận sâu sắc, trở thành động lực to lớn trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước của nhân dân ta. “Lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy” là một trong những nội dung cơ bản, đặc sắc của triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống. Cho đến nay, nó vẫn là bài học có giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung và giá trị của bài học đó được thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, xây dựng đất nước giàu mạnh, ổn định, tạo sức mạnh vật chất cần thiết để giữ nước.

Kể từ khi thoát khỏi ngàn năm nô lệ, nền độc lập dân tộc được khẳng định thì quyết tâm xây dựng một đất nước giàu mạnh, tạo tiềm lực để bảo vệ nền độc lập ngày càng được củng cố. Vấn đề “quốc phú binh cường”, xây dựng đất nước giàu về kinh tế, ổn định về chính trị, mạnh về quân sự, phong phú về đời sống văn hóa tinh thần... là mục tiêu được các triều đại quan tâm.

Ở thời Lý, ngay trong *Chiếu dời đô* đã thể

\* Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

hiện những nhận thức sâu sắc về vai trò quan trọng của việc dựng nước, mà mục tiêu của dựng nước cũng chính là để củng cố, duy trì nền độc lập dân tộc vừa giành được. Bài Chiếu đó không chỉ nói lên nguyện vọng của nhà vua mà còn phản ánh nhu cầu bức thiết của dân tộc về việc xây dựng một quốc gia độc lập, giàu mạnh: "Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời"<sup>(1)</sup>. Điều đó đã phản ánh sự phát triển khá rõ nét trong nhận thức của người Việt lúc ấy về tầm quan trọng của việc xây dựng quốc gia độc lập, thống nhất và cường thịnh để có thể trường tồn, tạo lập sức mạnh cần thiết cho việc giữ vững sự độc lập, cường thịnh ấy trước sự nhòm ngó của các thế lực bên ngoài. Không những thế, các triều đại thời Lý - Trần đều khuyến khích việc khai khẩn đất hoang để mở rộng diện tích canh tác, xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, chăm lo việc nông tang, tiết kiệm trong tiêu dùng. Để khích lệ tinh thần lao động sản xuất của nhân dân nhằm xây dựng quốc gia giàu mạnh, nhiều vị quân vương trong các triều đại phong kiến nước ta đã đích thân cày ruộng tịch điền (loại ruộng riêng của cung đình) để làm gương cho dân chúng. Đến triều Lê sơ, triều đình có nhiều chính sách đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đem lại những hiệu quả to lớn và thiết thực, khiến nước Đại Việt dưới triều đại này trở thành một quốc gia phát triển trên nhiều phương diện, có tiềm lực kinh tế và quốc phòng vững chắc để bảo vệ chủ quyền đất nước và độc lập dân tộc. Chẳng hạn, vua Lê Thánh Tông

năm 1461 đã ra sắc chỉ cho các địa phương: "Từ nay về sau, trong việc làm ruộng, phải khuyến khích quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai, để đủ ăn đủ mặc... Người nào có ruộng đất mà không chăm cày cấy thì quan cai trị bắt trình trị tội"<sup>(2)</sup>. Năm 1484, ông ra sắc chỉ cho hai ty Thừa, Hiến các xứ và các quan phủ, huyện, châu rằng: "Kể từ nay, xứ nào trong hạt có đề điều bị vỡ, ngập mất lúa mùa mà thế có thể giữ nước để làm vụ chiêm thì hai ty Thừa, Hiến ra lệnh cho các quan Hà đê sứ, Khuyến nông các phủ, huyện, châu phải nhân dịp nước rút dân, nghĩ trước kế chống đói cho dân, xem xét địa thế, tùy theo tiện nghi, đốc thúc dân làng coi đấp bờ ruộng, cần giữ lấy nước để làm vụ chiêm, không được vứt bỏ chức trách của mình, coi thường đau khổ của dân, ngó nhìn mà không có kế sách gì, để dân phải đói khát"<sup>(3)</sup>. Bên cạnh đó, ngay từ vương triều Lý trở đi, nhà nước phong kiến đã chú trọng và thường xuyên tổ chức các kỳ thi để tuyển dụng nhân tài, phục vụ cho mục tiêu xây dựng đất nước. Qua những sự kiện lịch sử ghi lại có thể nhận thấy sự phát triển đáng kể về văn hóa, sự phong phú trong tư tưởng và đời sống tinh thần của người Việt trong các giai đoạn lịch sử dựa vào công việc giáo dục và thi cử do các triều đại phong kiến thực hiện.

*Hai là, quan tâm đến đời sống của dân, coi trọng lòng dân, ý dân, củng cố khối đoàn kết dân tộc để tạo dựng cơ sở, phòng lúc đất nước lâm nguy.*

Hơn 1000 năm bi tráng trong lịch sử đấu tranh chống ách cai trị của các triều đại

1 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H. 2004, tập 1, tr. 249.

2 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ*, tập 2, tr. 420.

3 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ*, tập 2, tr. 520 - 521.

phong kiến phương Bắc đã chứng minh vai trò và sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập. Nhận thức được điều đó, nhiều triều đại phong kiến ngay trong thời bình đã biết dựa vào dân để tạo dựng cơ sở, củng cố tiềm lực để phòng khi có biến. Khi còn đại diện cho lợi ích và xu hướng phát triển của dân tộc, các chính sách của triều đình và các nhân vật tiêu biểu của nó đều thể hiện sự quan tâm đến đời sống của dân, coi trọng lòng dân, ý dân ở những mức độ nhất định.

Sử sách còn ghi lại, nhiều vị vua quan thời Lý - Trần là những người có lòng thương dân sâu sắc, họ chú trọng đến vấn đề dân sinh và thể hiện sự quan tâm đến đời sống của người dân. Chẳng hạn, ngay sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ đã thực hiện việc xá thuế cho dân, không phải để cứu trợ do thiên tai mà thể hiện sự cảm thông với cuộc sống vất vả của họ. Lý Thường Kiệt nêu yêu cầu phải khoan hoà giúp đỡ trăm họ, phải yêu mến mọi người, phải quan tâm đến sự no ấm của dân. Trần Quốc Tuấn thì căn dặn "chúng chí thành thành", "khoan thư sức dân" là "thượng sách" để giữ nước. Trần Nhân Tông luôn răn bảo các vệ sĩ không được ức hiếp nô tì vì "Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ bọn chúng có mặt"<sup>(4)</sup>. Nhiều đại biểu của giai cấp phong kiến xuất phát từ "lòng dân", "ý dân" để định ra chủ trương chính trị cho mình. Dưới thời nhà Trần, nhiều nhà vua thường tự mình hoặc phái các quan đại thần đi kinh lý ở các vùng xa xôi để nắm rõ tình hình đất nước và hiểu ý nguyện của dân, như vua Trần Thái Tông từng nói với quần thần: "Trẫm muốn

ra ngoài chơi để được nghe tiếng nói của dân và xem xét lòng dân, cho biết tình trạng khó khăn của dân"<sup>(5)</sup>.

Vấn đề yêu nước, thương dân, quan tâm đến đời sống và nguyện vọng của dân cũng là điều quán xuyên trong toàn bộ đường lối và ý tưởng chính trị của Nguyễn Trãi sau này. Dân trong quan niệm của Nguyễn Trãi bao gồm tất cả những người lao khổ nhất lúc ấy. Họ không chỉ tạo nên sức mạnh to lớn cho cuộc kháng chiến, là nguồn gốc sâu xa để kháng chiến thắng lợi, mà "qui mô lớn lao lộng lẫy, đều là sức lao khổ của quân dân"<sup>(6)</sup>. Do đó, phải "yêu nuôi nhân dân, để cho các nơi làng mạc không có tiếng oán giận than sầu", bởi "Đẹp cung thất mà cao đài tạ, tất gây thói tục xa hoa; theo ý mình mà ức lòng người, tất đến trăm năm oán giận"<sup>(7)</sup>. Vì thế, ông mơ ước đến một phép màu có thể đem lại đời sống giàu đủ cho dân: "Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương"<sup>(8)</sup>. Kế thừa tinh thần của ông, Lê Thánh Tông chủ trương triều đình phải thi hành đường lối chính trị nhân nghĩa đối với nhân dân với nội dung cơ bản là phải giảm tô giảm thuế cho dân, làm cho dân được no ấm, trừ kẻ tàn bạo để bảo vệ dân. Hay như Nguyễn Bình Khiêm ở thế kỷ XVI cũng yêu cầu triều đình phải chăm lo đời sống của dân; nhà vua phải soi xét đến đời sống của "những người dân nơi nhà nát xóm nghèo". Ông nhắc nhở nhà cầm quyền: "Yên bách tính thì yên trị đạo/ Thất thiên kim chớ thất

4 - Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tập 2, tr. 72.

5 - Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỷ X - thế kỷ XVII, Nxb Văn học, H. 1976, Tập 2, tr. 64.

6 - Nguyễn Trãi: Toàn tập, Nxb Khoa học xã hội, H. 1976, tr. 196.

7 - Nguyễn Trãi: Sđd, tr. 196.

8 - Nguyễn Trãi: Sđd, tr. 253.

nhân tâm" và khẳng định vai trò to lớn của dân: "Xưa nay nước lấy dân làm gốc/ Được nước là bởi lẽ được dân" (Cổ lai quốc dĩ dân vi bản/ Đặc quốc ưng tri tại đặc dân)<sup>(9)</sup>.

Cùng với việc quan tâm đến đời sống của dân, coi trọng lòng dân, ý dân, các triều đại phong kiến lúc thịnh trị còn biết coi trọng việc củng cố khối đoàn kết toàn dân, tạo sức mạnh phòng thủ đất nước ngay trong thời bình. Thực tế lịch sử đấu tranh giành, giữ, bảo vệ nền độc lập dân tộc cho thấy, chỉ khi giai cấp cầm quyền, lực lượng lãnh đạo đất nước dựa vào nhân dân, huy động được sức mạnh đoàn kết, đồng lòng của toàn dân thì công cuộc dựng nước và giữ nước mới thành công. Ngược lại, triều đại nào chỉ biết vơ vét làm cho dân tình đói khổ, đi ngược lại với quyền lợi của nhân dân, làm trái lòng dân thì triều đại đó sẽ phải suy vong, không chỉ thất bại trước các cuộc xâm lăng của kẻ thù bên ngoài mà họ còn bị chính quần chúng nhân dân vùng lên lật đổ. Tổng kết lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta từ quá khứ đến hiện tại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ. Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập. Nhờ lực lượng ấy mà sức kháng chiến của ta ngày càng mạnh. Nhờ lực lượng ấy mà quân và dân ta quyết chịu đựng muôn nỗi khó khăn thiếu thốn, đói khổ, tang tóc, quyết một lòng đánh tan quân giặc cướp nước. Nhờ lực lượng ấy mà

với gậy tầm vông và súng hỏa mai lúc đầu, chúng ta đã liên tiếp thắng địch"<sup>(10)</sup>.

*Ba là*, luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, thường xuyên chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng để phòng khi có biến.

Ngay trong những buổi đầu dựng nước, nhất là từ khi giành được độc lập qua ngàn năm Bắc thuộc, tổ tiên người Việt đã phải lo việc củng cố quốc phòng để phòng thủ đất nước, giữ gìn những thành quả lao động của mình, chống mối đe dọa bị xâm lược bởi ngoại bang. Điều đó thể hiện khá rõ qua những chủ trương và hoạt động trên thực tế của các triều đại phong kiến trong việc xây dựng các trung tâm quân sự, củng cố lực lượng quốc phòng và trang bị cho quân đội, liên kết các địa phương để tạo sức mạnh cần thiết cho việc sẵn sàng bảo vệ đất nước. Chính hoàn cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc ta đã buộc các triều đại phải luôn cảnh giác cao độ với sự xâm lược của ngoại bang, chủ động chuẩn bị tiềm lực quốc phòng để bảo vệ độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Những chủ trương của các triều đại về việc xây dựng tuyến phòng thủ, bố trí kế hoạch chu đáo, chủ động bảo vệ giang sơn, không để rơi vào bị động, bất ngờ không chỉ là tư tưởng chỉ đạo kháng chiến ở các thời kỳ mà nó còn phản ánh tinh thần cảnh giác cao độ của cha ông ta.

Qua các tư liệu lịch sử để lại, như các chiếu chỉ, sắc dụ và cả thơ văn... đã cho thấy, không chỉ quan tâm đến xây dựng, phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống của dân, nhiều triều đại phong kiến còn ý thức sâu sắc việc củng cố lực lượng quốc phòng, tạo sức mạnh

9 - Trần Thị Băng Thanh - Vũ Thanh: *Nguyễn Bình Khiêm - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, H. 2003, tr. 28.

10 - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2011, Tập 7, tr. 164 - 165.

để phòng thủ quốc gia ngay từ khi đất nước còn hòa bình. Vấn đề chuẩn bị lực lượng và kế sách đánh giặc giữ nước là một trong những tư tưởng lớn và cũng là nhu cầu thường xuyên của đất nước, được vua quan, triều thần ở nhiều triều đại phong kiến quan tâm. Dưới triều Lý, không chỉ chủ động đánh đòn phủ đầu để chặn đứng mưu đồ xâm lược của giặc Tống ở phía Bắc, Lý Thường Kiệt còn tự mình đi kinh lý vùng biên cương phía Nam và sai vẽ bản đồ, tăng cường lực lượng quốc phòng vùng biên cương phía Nam để ngăn chặn sự tấn công của Chăm Pa. Cũng trong thời Lý, vấn đề lo giữ nước ngay trong thời bình để bảo vệ nền độc lập mới giành được cũng được nhiều vị vua của triều đại này quan tâm. Vua Lý Nhân Tông trước khi qua đời đã dặn lại: "nên sửa sang giáo mác, để phòng việc không ngờ, chớ làm sai mệnh"<sup>(11)</sup>.

Ở thời Trần, với lòng yêu nước sâu sắc, tinh thần cảnh giác cao độ, trong *Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn kêu gọi, thức tỉnh tướng sĩ chăm lo việc quân, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu giữ nước. Ông khuyên tướng sĩ "đừng lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú ruộng vườn, hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát", mà phải nêu cao tinh thần cảnh giác: "Nên nhớ chuyện "đặt môi lửa vào dưới đồng cửi" làm nguy cơ, nên lấy điều "kiêng canh nóng mà thổi rau nguội" làm răn sợ. Hãy huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như

Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ..."<sup>(12)</sup>. Sau những chiến công hiển hách, đất nước yên bình song triều đình và các tướng lĩnh vẫn không quên tinh thần cảnh giác, ý thức phòng bị vì sự yên bình và trường tồn của đất nước. Điều đó được Thái sư Trần Quang Khải tổng kết: "Thái bình tu trí lực/ Vạn cổ thử giang san" (Thái bình nên gắng sức/ Non nước cũ muôn thu)<sup>(13)</sup>.

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống giặc Minh, triều đình Lê sơ cũng rất coi trọng việc xây dựng, phát triển đất nước và củng cố quốc phòng, tạo dựng lực lượng phòng thủ đất nước ngay sau cuộc chiến, thể hiện qua lệnh chỉ của vua Lê Thái Tổ: "Đại thần văn võ trăm quan các người hãy chăm việc nông tang, chỉnh đốn quân ngũ, sửa sang chiến khí, thuyền bè"<sup>(14)</sup>.

Biên cương, lãnh thổ là vấn đề trọng yếu của mọi quốc gia trong quá trình tồn tại, xây dựng và phát triển; là cơ sở khẳng định sự tồn tại của một đất nước hay một triều đại. Do đó, vấn đề bảo vệ cương vực, lãnh thổ là điều được mọi triều đại quan tâm. Trước những âm mưu cướp phá, lấn chiếm, xâm lược của ngoại bang, để giữ vững chủ quyền, bảo toàn lãnh thổ quốc gia, ổn định tình hình đất nước, triều đình Lê sơ luôn chủ động trong việc phòng bị, giữ gìn, bảo vệ lãnh thổ. Trong "Chiếu giáng Tư Tê làm quận vương, đặt con thứ là Nguyên Long nối nghiệp", vua Lê Thái Tổ căn dặn chu đáo: "Bảo rằng trời khó tin, mệnh không thường, nghĩ sửa trị ở khi chưa loạn; bảo rằng công khó thành, việc dễ hỏng, nghĩ giữ nước từ lúc

11 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H. 2004, tập 1, tr. 313.

12 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđd*, tập 2, tr. 88.

13 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđd*, tập 2, tr. 61.

14 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđd*, tập 2, tr. 321.

chưa nguy. Ở cảnh yên vui, nghĩ đến việc gian nan từ ngày trước; hưởng điều sung sướng, nghĩ đến công tích lũy của tổ tông. Phải cẩn thận lúc trước để tính lúc sau; phải làm nên việc lớn từ ở việc nhỏ"<sup>(15)</sup>. Mặc dù trong điều kiện đất nước thái bình, triều đình Lê sơ vẫn luôn cảnh giác, coi việc bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ là công việc trọng yếu không thể sao nhãng. Tinh thần cảnh giác, tích cực, chủ động phòng giữ biên cương ở triều Lê sơ thể hiện từ nhận thức về đất đai, bờ cõi và những chính sách cụ thể của nhà nước trong quản lý và bảo vệ lãnh thổ biên giới. Điều đó được thể hiện qua các chính sách của triều đình nhằm bảo vệ vững chắc biên cương. Năm 1431, Lê Thái Tổ trên đường đi dẹp loạn Đèo Cát Hãn trở về, ông làm bài thơ và cho khắc vào vách núi đá ở Chợ Bờ (Hòa Bình), thể hiện rõ quan điểm và sự kiên quyết về công việc giữ gìn lãnh thổ vùng biên cương, đồng thời như một lời nhắc nhở quần thần và các thế hệ sau cần phải chuẩn bị phương lược, kế sách trong việc giữ gìn lãnh thổ, bảo vệ biên cương, đảm bảo cho đất nước luôn ở trong thế chủ động, sẵn sàng phòng chống ngoại xâm và nội loạn mới có thể giữ vững bờ cõi: "Biên phòng hảo vị trừ phương lược/ Xã tắc ứng tu kế cứu an" (Biên phòng cần có phương lược tốt/ Xã tắc nên có kế lâu dài)<sup>(16)</sup>.

Trong các văn kiện ngoại giao cũng như trong thơ văn của mình, ý thức lo xa, tính trước nguy cơ và tinh thần cảnh giác cao độ được thể hiện khá rõ nét trong quan niệm của Nguyễn Trãi. Với bề dày kinh nghiệm

của một người từng trải, vào sinh ra tử vì sự nghiệp giải phóng đất nước khỏi họa xâm lăng, ông có những nhận định hết sức đúng đắn và sâu sắc: "mưu việc từ trước khi có việc xảy ra, thì khi việc đến dễ mưu tính; việc xảy ra rồi mới mưu tính, thì mưu tính sẽ không kịp"<sup>(17)</sup>. Hoặc trong bài thơ "Xem duyệt thủy trận" cho thấy, khi đất nước đã yên bình nhưng ông vẫn không quên tinh thần cảnh giác, luôn nhắc nhở triều đình và người cầm quyền đất nước phải chủ động chuẩn bị lực lượng để phòng khi có biến: "Biển Bắc năm xưa đã diệt kinh/ Yên rồi còn nghĩ luyện nhung binh"<sup>(18)</sup>.

Dưới thời Lê Thánh Tông, xã hội hòa bình, đất đai cương vực được mở rộng, bờ cõi vững chắc, nhân dân có cuộc sống no đủ. Đó là thời kỳ thịnh trị có một không hai trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Tuy vậy, nhà vua vẫn không quên tăng cường tinh thần cảnh giác, thường xuyên quan tâm, củng cố việc võ bị để phòng kẻ xâm lược. Xuất phát từ nhận thức "ngày xưa có lúc thất bại, chính vì ở vào lúc yên ổn, bèn buông lỏng việc binh", nên ông coi chăm lo việc binh là một yếu tố quan trọng, một điều kiện cần thiết, một yêu cầu của đạo làm vua. Vì thế, quân đội dưới thời ông trị vì là đội quân có tổ chức chặt chẽ, có tinh thần và khả năng chiến đấu cao, trở thành lực lượng hùng mạnh bảo đảm cho việc xây dựng xã hội thái bình thịnh trị và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền đất nước. Không chỉ quan tâm đến việc xây dựng lực lượng quân đội đảm bảo sẵn sàng ứng phó

15 - Nguyễn Trãi: *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1976, tr. 201.

16 - Vũ Như Khôi: *Văn hóa giữ nước Việt Nam, những giá trị đặc trưng*, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2014, tr. 98.

17 - Nguyễn Trãi: *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1976, tr. 165.

18 - Nguyễn Trãi: *Sđd*, H. 1976, tr. 289.

khi có ngoại xâm, triều đình còn có nhiều chính sách thể hiện tinh thần cảnh giác, chủ động chuẩn bị sức mạnh để phòng bị đất nước. Năm 1462, ông ban chiếu cầu lời nói thẳng, quan đô úy Hoàng Thanh dâng sớ nêu bảy điều cần kíp của nhà vua, trong đó nhấn mạnh: "Thường xuyên huấn luyện để nghiêm võ bị/ Đặt đồn điền để chứa lương cho biên giới"<sup>(19)</sup>. Năm 1467, ông ban sắc dụ cho quan trấn thủ và phó tổng binh các vệ ở các xứ An Bang, Lạng Sơn, Tuyên Quang, trong đó nhắc nhở: "Các người chức vụ đứng đầu một phương khống chế cả cõi biên thù, phải phòng bị điều bất trắc, để ngăn ngừa giặc ngoại xâm. Cần phải khuyến bảo các tướng hiệu răn đe quân lính, không được quen thói cũ, bỏ trốn về nhà, để trống vị trí phòng thủ, kẻ nào trái lệnh thì trị tội nặng hơn luật thường"<sup>(20)</sup>. Trong Bộ luật Hồng Đức cũng cho thấy, vấn đề phòng bị cần thận để giữ vững sự yên ổn đất nước, trước hết là ở vùng biên viễn cũng rất được quan tâm. Nhiều điều luật qui định khá cụ thể về chế độ kiểm soát ở các vùng cửa sông, cửa biển nhằm chủ động giữ gìn chủ quyền lãnh thổ đất nước.

Có thể nói, "lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy", chủ động chuẩn bị sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc, nêu cao tinh thần cảnh giác... để sẵn sàng bảo vệ nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ là một trong những nội dung đặc sắc của triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống. Thực tế lịch sử cũng chứng minh, chính vì có sự chuẩn bị từ sớm, từ xa,

"lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy" mà điển hình như nhà Lý mới có thể thực hiện thành công chiến lược "tiên phát chế nhân" (đánh đòn phủ đầu, dập tắt ý đồ xâm lược của địch trước khi chúng kịp tấn công) có một không hai trong lịch sử phong kiến nước ta; dưới thời Trần, nhân dân ba lần chiến thắng giặc Nguyên Mông hung hãn nhất lúc đó; dưới triều Lê, nhờ sự chuẩn bị về tiềm lực kinh tế và sức mạnh quốc phòng đã đảm bảo cho đất nước tránh khỏi ngoại xâm suốt gần 3 thế kỷ... Tiếp nối truyền thống lịch sử, trong điều kiện hiện nay, Đảng ta luôn nhất quán chủ trương "Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và môi trường hòa bình để xây dựng, bảo vệ đất nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống"<sup>(21)</sup>, xem đó là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Vì vậy, trong bối cảnh đầy biến động phức tạp, nhiều diễn biến mới khó lường hiện nay, Đảng ta khẳng định, phải "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến"<sup>(22)</sup>. Đó không chỉ là bài học được tổng kết từ thực tiễn đất nước trong bối cảnh thời đại mà nó còn phản ánh sự kế thừa, phát triển sáng tạo bài học của cha ông từ chiều sâu lịch sử. ■

19 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H. 2004, tập 2, tr. 423.

20 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ*, tập 2, tr. 454.

21 - ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H. 2016, tr. 311-312.

22 - *Sđđ*, tr. 149.